TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Ông **Thạch Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích P – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Chí T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 37, N, Khóm H, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh Phạm Chí T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/9/2006. Quá trình chung sống bất đồng ý kiến, mâu thuẫn

phát sinh, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Đã sống ly thân khoảng 03 tháng. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phạm Phương T, sinh ngày 16/10/2012. Con đang sống cùng chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Chí T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Bích P tự nguyện sống chung như vợ chồng từ 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/9/2006. Quá trình chung sống không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống. Đã sống ly thân 03 tháng. Anh T đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phạm Phương T, sinh ngày 16/10/2012. Hiện nay cháu T đang sống cùng chị P. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, tôi không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích P và anh Phạm Chí T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Phương T, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Chí T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Chí T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy chị P và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị P, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/9/2006. Nên hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị P và anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân. Chị P xin ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị P.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ch ị P và anh T.

[4] Về con chung: Chị P và anh T xác định quá trình chung sống, có một con chung là cháu Phạm Phương T, sinh ngày 16/10/2012. Cháu T đang sống cùng chị P.

Khi ly hôn chị P và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi, đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý bình thường của con chưa thành niên. Cháu T hiện đang sống chung với chị P.

Xét điều kiện nuôi con của chị P và anh T thấy rằng, chị P và anh T cùng xác định thu nhập của mình mỗi tháng ổn định, đủ khả năng để nuôi con.

Hơn nữa, cháu T đang sống ổn định cùng chị P, cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng , hiện cháu T đang sống cùng chị P, cho nên chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

Anh T được quyền thăm nom cháu T, không ai được phép cản trở.

Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích P và anh Phạm Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Phương T, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Chí T được quyền thăm nom cháu Phạm Phương T, không ai được phép cản trở.

Anh Phạm Chí T không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000675 ngày 11/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam